

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20/12/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Quàng Văn Xôm**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Nguyễn Xuân Hoàng**

2. Ông: **Nguyễn Khắc Thiện**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Phượng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thùy Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2021/HNGĐ-ST ngày 26/4/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mùa T D; Sinh năm: 1978; Địa chỉ: Bản H H, xã N S, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên – Có mặt.

- Bị đơn: Anh Sùng A D; Sinh năm: 1989; Địa chỉ: Bản H H, xã N S, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên (Đang chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu, xã Nà Tấu, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên) – Xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/4/2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Mùa T D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Sùng A D qua quá trình tìm hiểu, yêu nhau về xin phép gia đình hai bên, được sự chấp thuận của hai gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của dân tộc Mông, ngày 15/3/2011 đến đăng ký kết hôn tại UBND xã N S, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến

năm 2015 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, và vì anh D nghiện ma túy nên cuộc sống vợ chồng càng ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn, chị D đã khuyên ngăn nhiều lần để anh D từ bỏ ma túy để cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng anh D không nghe. Đến năm 2019 anh D bị Đoàn biên phòng Mường Mươn bắt về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 02/7/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Mường Chà xét xử và tuyên phạt 07 năm tù. Sau đó chị D đi thăm anh D và có đề đạt vấn đề ly hôn, tuy nhiên anh D không đồng ý nhưng chị D không còn tình cảm với anh D, vì cuộc sống không hạnh phúc. Vậy, chị D đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị ly hôn với anh D. Hiện nay anh D đang chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Sùng T T - Sinh ngày 25/02/2008, Sùng T L - Sinh ngày 29/01/2010 và Sùng T C - Sinh ngày 08/3/2012, hiện cả ba cháu đang ở cùng với chị D ở Bản H H, xã N S, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Theo nguyện vọng của các cháu và vì hiện tại anh D đang đi chấp hành án nên chị D đồng ý với nguyện vọng của các cháu, sẽ có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cùng với chị D vì anh D đang đi chấp hành án.

- Về phần tài sản chung, riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 14/5/2021 anh Sùng A D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị D sau một thời gian tìm hiểu, tự nguyện và đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N S, huyện Mường Chà vào ngày 15/3/2011, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Mong Tòa án nhân dân huyện Mường Chà xem xét giải quyết cho anh.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Sùng T T - Sinh ngày 25/02/2008, Sùng T L - Sinh ngày 29/01/2010 và Sùng T C - Sinh ngày 08/3/2012, các cháu ở cùng mẹ ở Bản H H, xã N S, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Anh D chấp nhận để cả ba cháu ở với mẹ (chị D) là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian anh đang đi chấp hành án chưa về.

- Về phần tài sản chung, riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 18/4/2021 của các cháu Sùng T T, Sùng T L và Sùng T C: Bố mẹ ly hôn đều mong muốn được ở với mẹ Mùa T D.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký,

việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9; Điều 51, Điều 53, Điều 54; các Điều 56, 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Mùa T D. Tuyên xử cho chị Mùa T D được ly hôn với anh Sùng A D.

Chị D và anh D có 03 con chung là Sùng T T - Sinh ngày 25/02/2008, Sùng T L - Sinh ngày 29/01/2010, Sùng T C – Sinh ngày 08/3/2012, chị D có nguyện vọng nuôi dưỡng 3 cháu, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Các cháu đều có nguyện được ở với mẹ Mùa T D. Anh D cũng đồng ý để 3 cháu ở với chị D, vì hiện nay anh D đang phải chấp hành án không có ở nhà. Vì vậy Giao 03 con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D. Việc cấp dưỡng và trực tiếp nuôi dưỡng sẽ xem xét và giải quyết sau khi có đơn yêu cầu.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12, 15 Nghị quyết số 326/2016 của UBNTQH ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn án phí dân sự sơ thẩm cho chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Đây là vụ án kiện xin ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở của chị Mùa T D và anh Sùng A D đều ở Bản H H, xã N S, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, nhưng do anh D vi phạm pháp luật và đang phải đi chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Vậy, vụ án Tòa án nhân dân huyện Mường Chà thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh D có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Sùng A D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[2] Chị D và anh D sau khi tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2007, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương đến ngày 15/3/2015 đăng ký kết hôn tại UBND xã N S, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc tuân thủ các quy định của luật

hôn nhân và gia đình Việt Nam. Vậy, hôn nhân giữa chị D và anh D là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Anh, chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nguyên nhân chính là do anh D mắc tệ nạn xã hội nghiện ma túy. Năm 2019 anh D bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bị khởi tố, truy tố và bị Tòa án nhân dân huyện Mường Chà xét xử và tuyên phạt 07 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Chị D cho rằng chị không còn tình cảm với anh D nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo thụ thử, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vì anh D đang chấp hành án tại Trại giam Nà Tấu nên không thể có mặt được, anh D có đơn xin vắng mặt và gửi bản tự khai, về hôn nhân anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị D khẳng định không còn tình cảm với anh D và cương quyết xin được ly hôn với anh D. Hội đồng xét xử xét thấy cho đến nay tình cảm của chị D và anh D không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy, HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị D đối với anh D. Tuyên xử chị D được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] **Về con chung:** Chị D và anh D có 03 con chung là Sùng T T - Sinh ngày 25/02/2008, Sùng T L - Sinh ngày 29/01/2010, Sùng T C – Sinh ngày 08/3/2012. Hiện nay các cháu đang ở cùng với chị D tại Bản H H, xã N S, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Các cháu đều trên 7 tuổi, theo đơn trình bày nguyện vọng của các cháu đều mong muốn được ở với mẹ Mùa T D. Mặc khác anh D trong bản tự khai cũng thể hiện để 3 con ở với chị D, vì hiện nay anh D đang chấp án 07 năm tù tại trại Giam Nà Tấu, do vậy cần chấp nhận nguyện vọng của các cháu và chị D.

[4] **Về tài sản chung, công nợ:** Chị D và anh D đều khai và thống nhất không có tài sản chung, công nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vậy HĐXX không đề cập xem xét.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét và có quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật; Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

[6] **Về án phí:** Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12, 15 Nghị quyết số 326/2016 của UBNTQH ngày 30/12/2006 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn toàn án phí dân sự sơ thẩm cho chị D.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 8, khoản 1 Điều 9; Điều 51, Điều 53, Điều 54; các Điều 56, 58; 81; 82; 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12, 15 Nghị quyết số 326/2016 của UBNTQH ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Mùa T D. Chị Mùa T D được ly hôn với anh Sùng A D.

2. *Về con chung:* Ghi nhận theo nguyện vọng của các cháu và chị D: Giao các cháu Sùng T T - Sinh ngày 25/02/2008, Sùng T L - Sinh ngày 29/01/2010 và Sùng T C – Sinh ngày 08/3/2012 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có đủ khả năng lao động, ghi nhận việc chị D không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị D.

Anh Sùng A D được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị D theo quy định của pháp luật.

Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/12/2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện MC;
- Chi cục THADS huyện MC;
- TA tỉnh Điện Biên;
- UBND xã N S;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quàng Văn Xôm